

B. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ ỦY QUYỀN

1. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội năm 1997 đã được Quốc hội và Chính phủ quyết định, giao cho các Bộ, ngành, địa phương các chỉ tiêu hướng dẫn nhằm cụ thể hóa các chỉ tiêu Chính phủ giao, tạo điều kiện cho các Bộ, địa phương và các đơn vị triển khai thực hiện đúng phương hướng, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước.

Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao danh mục và vốn đầu tư (trong đó: xây lắp, thiết bị) các dự án thuộc nhóm B, vốn cho công tác quy hoạch, vốn chuẩn bị đầu tư, vốn chuẩn bị thực hiện dự án; thông báo danh mục những công trình nhóm A, B của Trung ương trên địa bàn, vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch (sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định tổng mức vốn tín dụng, đối tượng và lãi suất cho vay).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chủ yếu đối với từng Tổng công ty 91 (điện thương phẩm, than, dầu thô, khí đốt, thép, phân đạm, xi măng, giấy, đường, cà phê, lưu thông lương thực...); thông báo vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính được ủy quyền giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước cho các cơ quan Trung ương ngoài danh mục các Bộ, cơ quan do Thủ tướng Chính phủ giao; đồng thời, hướng dẫn các Bộ, địa phương, Tổng công ty 91 các chỉ tiêu thu, chi ngân sách Nhà nước nhằm bảo đảm thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước được Quốc hội thông qua và Thủ tướng Chính phủ giao; thông báo chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn cho các địa phương để phối hợp kiểm tra, giám sát thực hiện.

C. VỀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH

1. Trên cơ sở những chủ trương, biện pháp điều hành kế hoạch kinh tế, xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua, các Bộ, các ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải cụ thể hóa và hướng dẫn những vấn đề thuộc Bộ, ngành và địa phương phụ trách để thực hiện thống nhất trong cả nước.

2. Theo quy chế điều hành của Chính phủ, các Bộ, địa phương, Tổng công ty 91 phải báo cáo hàng tháng về tình hình thực hiện kế hoạch trên một số lĩnh vực chủ yếu về sản xuất, xây dựng cơ bản, thu - chi ngân sách, tiền tệ, xuất nhập khẩu, lưu thông vật tư hàng hóa, lạm phát... gửi Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài

chính và Tổng cục Thống kê chậm nhất trước ngày 25 hàng tháng.

3. Thực hiện chế độ giao ban hàng tháng giữa một số cơ quan do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, về tình hình thực hiện kế hoạch, để kịp thời đề xuất các biện pháp khắc phục những vấn đề nảy sinh nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội theo Nghị quyết của Quốc hội.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 988-TTg ngày 30-12-1996 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 1996 - 2010.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại Tờ trình số 468-TT/UB ngày 5-3-1996, của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 5712-BKH/VPTĐ ngày 2-11-1996,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 1996 - 2010 với nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Khai thác mọi tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý và các nguồn tài nguyên để xây dựng tỉnh Quảng Ninh phát triển nhanh, ổn định, bền vững về kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh, quốc phòng, đạt các mục tiêu chủ yếu về tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo đảm môi trường sinh thái; đưa tỉnh trở thành một trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và là một trong những "cửa mở" lớn của phía Bắc để cùng với một số tỉnh, thành phố khác hợp thành khu kinh tế

trọng điểm thúc đẩy sự phát triển của vùng và phát triển chung của cả nước.

II. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Những định hướng phát triển chủ yếu:

Thực hiện phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kết nối sự phát triển của tỉnh với sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và toàn vùng Bắc Bộ, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước.

Xây dựng và phát triển cơ cấu kinh tế hợp lý và hướng về xuất khẩu, coi trọng chất lượng và hiệu quả; đẩy mạnh xây dựng và phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch; xây dựng, mở rộng và hiện đại các cảng biển hiện có và xây dựng một số cảng mới để bảo đảm giao lưu của toàn vùng và giao lưu với quốc tế. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng thâm canh và sản xuất hàng hóa.

Phát triển kinh tế phải kết hợp với phát triển văn hóa, xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng trên đất liền, trên biển và hải đảo. Nâng cao mức sống và trình độ dân trí, bảo đảm nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng các khu vực nông thôn mới và các hải đảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng, từng đảo. Bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái, đặc biệt là cảnh quan khu vực Vịnh Hạ Long.

2. Những nhiệm vụ phát triển chủ yếu:

Về phát triển công nghiệp:

Phát triển công nghiệp với tốc độ cao để đảm bảo phát triển các ngành kinh tế khác của tỉnh. Phát huy truyền thống và năng lực sẵn có để phát triển mạnh các ngành công nghiệp mũi nhọn: than, cơ khí, vật liệu xây dựng (đặc biệt là xi măng). Cải tạo và mở rộng các khu công nghiệp hiện có: Hòn Gai, Bãi Cháy, Cẩm Phả, Uông Bí... đồng thời đẩy mạnh tốc độ xây dựng một số khu công nghiệp mới như: Cái Lân, Hoành Bồ, Uông Bí, Mạo Khê, Chập Khê và cụm công nghiệp Đông Triều. Phát triển tuyến kinh tế ven biển Hạ Long - Móng Cái gắn kết chặt chẽ với vùng núi phía trong để làm động lực phát triển cho cả vùng. Huy động các thành phần kinh tế để mở rộng sản xuất và nâng cao chất lượng các mặt hàng tiêu dùng, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản để đáp ứng nhu cầu nội địa và xuất khẩu.

Về phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản:

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa cung ứng cho tiêu dùng và xuất khẩu; khai thác có hiệu quả tiềm năng về đất nông nghiệp gần khu công nghiệp, gần khu du lịch ven biển và hải đảo để bố trí mùa vụ, cây trồng, vật nuôi thích hợp và thâm canh nhằm tăng năng suất, sản lượng và chất lượng nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ. Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp để tăng nhanh tỷ trọng của ngành này trong giá trị sản lượng nông nghiệp.

Phát triển ngành Lâm nghiệp theo hướng trọng tâm là lâm nghiệp xã hội, cố gắng phấn đấu đến năm 2010 có tỷ lệ che phủ rừng đạt từ 55% - 60%.

Phát triển ngành Thủy sản (bao gồm cả khai thác, nuôi trồng, chế biến và hậu cần dịch vụ): Đầu tư kỹ thuật và phương tiện để nâng cao sản lượng đánh bắt hải sản ngoài khơi. Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản; xây dựng các cơ sở chế biến, dịch vụ nghề cá ở ven biển và trên các đảo; xây dựng đảo Cò Tô trở thành một trong những trung tâm dịch vụ nghề cá của Vịnh Bắc Bộ. Phát triển thủy sản phải kết hợp với việc bảo vệ và phát triển các nguồn lợi.

Về phát triển các ngành Thương mại, Dịch vụ, Du lịch:

Cần có kế hoạch khai thác những lợi thế, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi để huy động được các nguồn lực, đặc biệt coi trọng việc phát triển hoạt động kinh tế đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ, hướng mạnh vào xuất khẩu, du lịch, hợp tác đầu tư nhằm thu hút vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến của nước ngoài.

Phát huy ưu thế và cơ hội để phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ hàng hải và du lịch. Trên cơ sở hình thành cảng Cái Lân, phát triển mạnh đội tàu biển của tỉnh.

Sớm hình thành hai trung tâm thương mại lớn ở Hạ Long và Móng Cái. Trong tương lai gần, khu vực Móng Cái phải được phát triển thành khu kinh tế cửa khẩu quan trọng. Mở rộng mạng lưới thương nghiệp, dịch vụ, đảm bảo cung ứng hàng hóa, dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm cho nhân dân, đáp ứng phần nào nhu cầu cho khu du lịch lớn của tỉnh và một số tỉnh bạn.

Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động du lịch, đặc biệt ưu tiên phát triển du lịch quốc tế. Cần xây dựng một số khách sạn lớn có quy mô 200 - 300 phòng để có thể thu hút khách du lịch quốc tế đạt từ 1,2 đến 1,3 triệu người vào năm 2010. Ngoài khu du lịch Hạ Long cần khai thác triệt để tiềm năng du lịch của vùng ven biển và hải đảo.

Cần hiện đại hóa các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm theo chủ trương, chính sách của

Nhà nước, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, du lịch của tỉnh, của cả vùng và của khách du lịch cũng như của các nhà đầu tư nước ngoài. Bảo đảm tỷ trọng thu ngân sách, tỷ trọng đầu tư so với GDP ngày càng tăng.

Về phát triển cơ sở hạ tầng:

Phát triển cơ sở hạ tầng được coi là giải pháp có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của tỉnh Quảng Ninh. Khẩn trương xây dựng cảng Cái Lân theo hướng đồng bộ và hiện đại để tiếp nhận tàu có trọng tải lớn ra vào cảng; đầu tư xây dựng, cải tạo các cảng Mũi Chùa, Vạn Gia, Mũi Ngọc. Nghiên cứu xây dựng cảng Cò Tô có năng lực bốc xếp hàng hóa từ 30 đến 50 vạn tấn/năm.

Để phát huy hết tiềm năng, thuận lợi về giao thông đường biển và hệ thống cảng biển, cần phải có kế hoạch đầu tư trang bị các phương tiện và tăng năng lực cũng như đổi mới công nghệ bốc xếp, tiếp nhận hàng hóa và các loại dịch vụ phục vụ cho các cảng như: kho tàng, bến bãi, phương tiện chuyển tải v.v...

Phát triển mạng lưới giao thông đường bộ nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế, dân sinh và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

Chú ý đến hệ thống đường giao thông ở các xã miền núi biên giới và hải đảo. Cần nâng cấp quốc lộ 18A, đường 10, xây dựng trục Hải Phòng - Quảng Ninh, Hà Nội - Bãi Cháy kéo dài đến Móng Cái. Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường 18B, 4B; xây dựng cầu Cửa Lục, cải tạo tuyến đường sắt Phả Lại - Cái Lân và nối với tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai.

Nghiên cứu xây dựng một sân bay tại khu vực Hạ Long - Bãi Cháy.

Xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới cấp nước, thoát nước, cấp điện, giao thông đô thị và các khu công nghiệp; xây dựng hồ Cao Vân, khai thác đập Đồng Ho, xây dựng đập Đồng Giang. Xây dựng hệ thống đường dây tải điện phục vụ cho phát triển kinh tế và dân sinh. Triển khai xây dựng nhà máy điện Hoàn Bồ. Trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội phải đặc biệt quan tâm đến việc bảo vệ, giữ gìn và cải thiện môi trường, cảnh quan các khu vực đô thị, nhất là giữ gìn, bảo vệ môi trường, cảnh quan khu vực Hạ Long - Bãi Cháy.

Tiếp tục hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc, phát triển điện thoại số đến 100% số xã trong tỉnh (cả trong đất liền và hải đảo).

Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội:

Nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống giáo dục, đào tạo để đáp ứng yêu cầu về nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển

mạng lưới chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh cho nhân dân, nhất là dân ở các vùng miền núi và hải đảo; thực hiện chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Mở rộng và nâng cao chất lượng của hệ thống phát thanh, truyền hình, các hoạt động văn hóa tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc; nâng cao cơ sở vật chất cho ngành thể dục thể thao. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào xóa đói giảm nghèo, quan tâm đúng mức đến các đối tượng và gia đình chính sách. Cùng với việc phát triển kinh tế nhiều thành phần, nhiều ngành, nghề, phải tăng tỷ lệ lao động được đào tạo có việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở các đô thị. Vận động nhân dân tham gia tích cực vào việc xây dựng nếp sống văn minh, bài trừ các tệ nạn xã hội.

III. NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU

Để đảm bảo việc thực hiện Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh thời kỳ 1996 - 2010, tỉnh phải triển khai một hệ thống các biện pháp đồng bộ, kể cả đổi mới cơ chế chính sách kết hợp với cải cách hành chính, tăng cường năng lực quản lý, cải tiến kế hoạch hóa, tăng cường nghiên cứu vĩ mô, dài hạn, xây dựng các dự án và chương trình phát triển... nhằm phát huy các nguồn lực trong nước, ngoài nước phục vụ cho công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội.

Phải thể hiện phương hướng và những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của Quy hoạch này trong các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, các chương trình và dự án có tính khả thi.

Ủy ban Nhân dân tỉnh thực thi nghiên cứu và đề xuất với Chính phủ (những vấn đề vượt thẩm quyền) các chính sách có hiệu quả về huy động vốn trong nước, thu hút các nguồn lực từ bên ngoài, mở rộng thị trường, phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, xây dựng các đô thị và đầu tư xây dựng các khu công nghiệp... Quý IV năm 1998, tỉnh phải tiến hành tổng kết việc áp dụng thí điểm các chính sách tại khu vực cửa khẩu Móng Cái theo nội dung Quyết định số 675-TTg ngày 18-9-1996 của Thủ tướng Chính phủ và kiến nghị Thủ tướng điều chỉnh, bổ sung những quy định cần thiết.

Điều 2.- Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh là cơ quan chủ quản thực hiện Quy hoạch, phải có kế hoạch và biện pháp triển khai ngay việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện một cách chặt chẽ và khẩn trương, nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã được đề ra trong Quy hoạch. Cần thường xuyên theo dõi, kịp thời điều chỉnh Quy

hoạch phù hợp với sự phát triển chung của vùng và của cả nước.

Các Bộ, ngành ở Trung ương, theo chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm phối hợp và giúp đỡ tỉnh Quảng Ninh trong quá trình thực hiện Quy hoạch, trong đó đặc biệt chú ý bảo đảm sự thống nhất giữa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với quy hoạch của từng ngành, từng lĩnh vực và quy hoạch tổng thể của vùng, đồng thời phải phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn của cả nước và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ
VÕ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 7-TTg ngày 3-1-1997 về việc thành lập Ban Điều hành quốc gia Quỹ Môi trường toàn cầu của Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của các Bộ trưởng: Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngoại giao và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Thành lập Ban Điều hành quốc gia về Quỹ Môi trường toàn cầu của Việt Nam (viết tắt là GEF - Việt Nam). Cơ quan thường trực GEF - Việt Nam đặt tại Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Điều 2.- Chủ tịch GEF - Việt Nam là Thủ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Các thành viên khác của GEF - Việt Nam là đại diện của Văn phòng Chính phủ, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam do các cơ quan nói trên cử, Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ra quyết định công nhận.

Điều 3.- Giao Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của GEF - Việt Nam.

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 5.- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, các Bộ trưởng: Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại giao, Tài chính, Chủ tịch và các thành viên GEF - Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
NGUYỄN KHÁNH

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 20-TTg ngày 10-1-1997 về việc cho phép thành lập Hội Hữu nghị Việt Nam - Séc và Hội Hữu nghị Việt Nam - Xlôvaki.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật số 102-SL/L004 ngày 20-5-1957 quy định quyền lập Hội;

Căn cứ Chỉ thị số 1-CT ngày 5-1-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc quản lý tổ chức và hoạt động của các Hội quần chúng;

Xét đề nghị của Liên hiệp Các tổ chức hữu nghị Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Cho phép giải thể Hội Hữu nghị Việt Nam - Tiệp Khắc, thành lập Hội Hữu nghị Việt Nam - Séc và Hội Hữu nghị Việt Nam - Xlôvaki.